

Số: 82 /PLVĐ-TCKT
V/v: Kết luận Kiểm toán Nhà nước

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM;
- Quý cổ đông.

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.

Mã chứng khoán: VAF.

Địa chỉ trụ sở: Đường Phan Trọng Tuệ - xã Đại Thanh - Thành phố Hà Nội.

Mã số doanh nghiệp: 0100103143.

Số điện thoại: 023.6884489/6885174.

Số fax: 023.6884277.

Người đại diện theo Pháp luật: Văn Hồng Sơn – Tổng Giám đốc.

Người được uỷ quyền CBTT: Nguyễn Thị Sen – Kế toán trưởng.

Loại công bố thông tin: Bất thường

NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển công bố thông tin Kết luận Kiểm toán nhà nước, thời kỳ kiểm toán năm 2024 theo Quyết định số 1390/QĐ-KTNN ngày 28/08/2025 của Tổng Kiểm toán nhà nước (Ngày 26/02/2026 Công ty nhận được Thông báo kết quả Kiểm toán nhà nước ký ban hành ngày 05/01/2026).

Theo kết quả kiểm toán, đơn vị phải nộp tăng thêm các khoản sau:

1. Nộp truy thu thuế TNDN số tiền: 2.763.609.013 đồng.

- Nguyên nhân:

+ Ghi nhận bổ sung khoản thu nhập khác từ bồi thường vi phạm hợp đồng của Công ty HUD4 theo Bản án sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bím Sơn, làm tăng số thuế TNDN phải nộp số tiền: 2.372.621.054 đồng;

+ Điều chỉnh giảm giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp và loại trừ các khoản chi phí không đủ điều kiện được trừ khi xác định thuế TNDN theo Kết luận Kiểm toán nhà nước, làm tăng số thuế TNDN phải nộp tổng số tiền là: 390.987.959 đồng.

2. Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển có trách nhiệm:

- Nộp số tiền trên vào ngân sách nhà nước khi nhận được Thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước theo đúng quy định;

- Điều chỉnh sổ sách kế toán, báo cáo tài chính năm 2024 theo kết quả kiểm toán;
- Chấn chỉnh, khắc phục các hạn chế, tồn tại trong công tác quản lý tài chính, quản lý vốn, tiền, tài sản... đã được chỉ ra qua kiểm toán.

Thông tin trên được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: Vandienfmp.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung đã công bố.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Người được UQCBTT;
- Lưu: TCKT; VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC ✓

Văn Hồng Sơn

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /TB-KTNN

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2026

CÔNG TY CP PHÂN LÂN NUNG CHÁY	
VĂN ĐIỂN - HÀ NỘI	
ĐẾN	Số:.....271.....
	Ngày:.....28/02/2026.....
	Chuyển:.....

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN VĂN ĐIỂN**

Kính gửi: Tổng Giám đốc Công ty CP Phân lân Văn Điển

Thực hiện Quyết định số 1390/QĐ-KTNN ngày 28/8/2025 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2024 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Tổ kiểm toán số 1 thuộc Đoàn Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2024 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành VI đã tiến hành kiểm toán tại Công ty CP Phân lân Văn Điển (Công ty) từ ngày 08/9/2025 đến ngày 21/9/2025.

Căn cứ Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán đã được phát hành và kết quả kiểm toán tại Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán tại Công ty, Kiểm toán nhà nước chuyên ngành VI thông báo kết luận và kiến nghị kiểm toán đối với đơn vị như sau:

I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN

Các đánh giá, nhận xét đã được thể hiện trong Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán được ký với đơn vị ngày 22 tháng 09 năm 2025. Sau đây là kết luận kiểm toán tại đơn vị.

1. Xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính

1.1. Kết quả kiểm toán số liệu báo cáo tài chính

(Chi tiết báo cáo, số liệu tài chính được kiểm toán theo các Phụ lục đính kèm).

1.2. Ý kiến xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính

- Trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán: lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng (Chuẩn mực, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan); tuân thủ hệ thống kiểm soát nội bộ mà Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

- Trách nhiệm của Tổ kiểm toán: đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán dựa trên căn cứ, phạm vi, giới hạn (nêu tại Phụ lục số 06-TBKQKT), các hồ sơ tài liệu do Công ty cung cấp, tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch kiểm toán và thực hiện cuộc kiểm toán theo phương pháp chuyên môn cần thiết dựa trên xét

đoán của kiểm toán viên để thu thập bằng chứng kiểm toán. Tổ kiểm toán sử dụng các thủ tục kiểm toán nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán: quan sát, kiểm tra đối chiếu, tính toán lại, phỏng vấn, thủ tục phân tích.

- Ý kiến xác nhận về tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính: theo ý kiến của Tổ kiểm toán, ngoại trừ sự ảnh hưởng của giới hạn kiểm toán; những hạn chế và tồn tại được nêu tại Biên bản kiểm toán, Báo cáo tài chính năm 2024 lập ngày 02/3/2025 của Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm lập báo cáo, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Về chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính - kế toán, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công

2.1. Đánh giá chung

Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp quy có nội dung điều chỉnh phạm vi hoạt động, các luật thuế, luật kế toán và các luật khác có liên quan, các văn bản hướng dẫn thi hành các luật đang có hiệu lực; thực hiện quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh theo các văn bản, quy định nội bộ của Công ty và của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Kết quả kiểm toán chọn mẫu tại Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển cho thấy: Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển đã tổ chức công tác kế toán, thực hiện mở sổ kế toán theo dõi, hạch toán tài sản, nợ phải trả, các khoản doanh thu, thu nhập và chi phí...; cuối năm thực hiện kiểm kê quỹ tiền mặt, đối chiếu số dư tiền gửi tại các ngân hàng, đối chiếu công nợ phải thu, phải trả, hàng tồn kho, tài sản; thực hiện kê khai, quyết toán, nộp và hạch toán các loại thuế.

Tuy nhiên, qua kiểm toán chọn mẫu nhận thấy: Việc tuân thủ pháp luật, chính sách, chế độ kế toán, quản lý, sử dụng vốn, tiền và tài sản nhà nước của Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển còn một số hạn chế, trình bày cụ thể tại các phần dưới đây và kết quả kiểm toán điều chỉnh tại các Phụ lục kèm theo.

2.2. Những hạn chế tồn tại

2.2.1. Quản lý tài chính, kế toán

(1) Quản lý các khoản phải thu

- Tại thời điểm 31/12/2024, số đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi của Công ty là 13,02% (1.861 triệu đồng/14.290 triệu đồng).

- Tại thời điểm 31/12/2024, tài khoản các khoản phải thu khác (tài khoản 138) dư có số tiền 9.430 triệu đồng, đây là tiền Công ty nhận bồi thường (đã bù trừ giữa các khoản phải và bị bồi thường) từ Công ty CP đầu tư và xây dựng HUD4 theo Bản án số 03/2022/KDTM-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bím Sơn tỉnh Thanh Hóa v.v tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý. Trong đó Tòa tuyên Công ty được hưởng tiền lãi đối với

số tiền mà Công ty đã chuyển trả HUD4 để thực hiện Hợp đồng 05/HĐTD-HUD4 ngày 31/5/2013 (đã bị Tòa tuyên vô hiệu), số tiền 11.863 triệu đồng và phải bồi thường Công ty CP đầu tư và xây dựng HUD4 tiền thuê đất thô 2.479 triệu đồng. Tuy nhiên, đơn vị chưa xác định trách nhiệm cá nhân, tập thể có liên quan để xử lý đối với nghĩa vụ phải bồi thường HUD4.

- Còn khoản Ban quản lý dự án tạm ứng tiền phục vụ hoạt động cho dự án nhà máy NPK tại Thanh Hóa từ năm 2018 chưa thanh toán, số tiền 145 triệu đồng.

(2) Quản lý hàng tồn kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Công ty không có quy định về việc thực hiện kiểm kê hàng gửi kho trước vụ và hàng gửi tại các kho thuê thời điểm lập BCTC. Thực tế Công ty đã kiểm kê hàng gửi kho trước vụ tuy nhiên biên bản chỉ thể hiện tổng khối lượng hàng (tấn) mà không thể hiện số lượng bao thực tế.

- Công ty chưa xác định được khối lượng phụ phẩm bụi lò thực tế phát sinh trong kỳ, khối lượng xuất bán được xác định theo số lượng qua cân.

(3) Quản lý chi phí

Công ty còn phân bổ chi phí liên quan đến nhiều kỳ kế toán chưa đúng, dẫn đến phải điều chỉnh.

2.2.2. Quản lý, sử dụng vốn, tiền, tài sản nhà nước

(1) Công tác bán hàng

- Quy chế tiêu thụ sản phẩm của Công ty thiếu các quy định cụ thể về mức bảo lãnh hoặc đặt cọc đối với phương thức thanh toán chậm tiềm ẩn rủi ro phát sinh nợ phải thu khó đòi¹.

(2) Việc mua sắm hàng hóa, thuê ngoài cung cấp dịch vụ

- Công ty xác định mặt hàng thuộc đối tượng chỉ định nhà cung cấp không phù hợp².

- Về lập kế hoạch mua sắm, thuê ngoài, lập dự toán mua sắm: Công ty không khảo sát hiện trạng khi thực hiện gói thầu³.

¹ (i) Mục 2 Điều 12 quy định về Điều kiện áp dụng phương thức thanh toán chậm nhưng không nêu mức bảo lãnh hoặc đặt cọc cụ thể. Hầu hết các Hợp đồng mua bán không quy định về bảo lãnh hoặc đặt cọc. Mục 3.2 một số Hợp đồng mua bán chỉ quy định "Trường hợp Bên B mua hàng theo phương thức chậm thanh toán thì Bên B phải có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng, số tiền bảo lãnh phải tương ứng với số tiền hàng chậm thanh toán nhưng tối đa là 20 tỷ đồng (đối với cả phần lân và phần NPK). Thời gian chậm thanh toán cho mỗi đợt lấy hàng là 30 ngày kể từ ngày lấy hàng; nếu đến thời hạn thanh toán mà bên B không thanh toán cho bên A thì bên B phải thanh toán thêm tiền lãi quá hạn...." (ii) Việc ban hành quy chế tiêu thụ sản phẩm chưa rõ ràng, cụ thể và hợp đồng mua bán quy định số tiền bảo lãnh tối đa không phù hợp với thực tế xuất hàng có thể dẫn đến rủi ro trong thanh toán. Tại một số thời điểm, giá trị hàng hóa khách hàng mua trả chậm (Công ty CP XNK Phân bón Minh Tân; Công ty CP Xuất nhập khẩu Hoá chất Miền Nam) vượt quá hạn mức bảo lãnh quy định. Ngoài ra còn tình trạng một số khách hàng không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nhưng vẫn được chấp nhận thanh toán chậm, như Công ty CP vật tư nông nghiệp II Đà Nẵng; Trần Thị Dung; Phạm Quốc Đạt; Ninh Ngọc Cơ....

² Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển xác định mặt hàng xăng dầu là "mặt hàng do Nhà nước quản lý hoặc độc quyền cung cấp hoặc không đấu thầu được như điện, than, xăng dầu...Được phép chỉ định nhà cung cấp..." theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế mua sắm thường xuyên phục vụ sản xuất kinh doanh (gọi tắt là Quy chế mua sắm) để chỉ định nhà cung cấp là không phù hợp

³ Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển không tiến hành khảo sát hiện trạng, lập bản vẽ thiết kế thi công, phương án lắp đặt khi thực hiện gói thầu Đầu tư mua sắm hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước ngầm khai thác theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế quản lý công tác sửa chữa tài sản cố định của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam ban hành theo Quyết định số 126/QĐ-HCVN ngày 20/5/2021.

- Về lựa chọn nhà cung cấp: Công ty chưa thực hiện tiếp cận các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu chiếm thị phần lớn để nâng cao hiệu quả⁴.

3. Việc quản lý, sử dụng, đất đai; sắp xếp lại và xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

3.1. Việc quản lý và sử dụng đất đai

Theo báo cáo, Công ty cổ phần phân lân nung chảy Văn Điển quản lý và sử dụng 02 khu đất gồm:

- Khu đất tại đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội (nay là xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội), diện tích 85.000m² hiện đang sử dụng để sản xuất kinh doanh phân lân nung chảy và các loại phân bón NPK Văn Điển.

Khu đất được thuê theo Quyết định 2943/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND TP Hà Nội; Hợp đồng thuê đất số 92/HĐTD-STNMT-KTD ngày 24/3/2023, thời hạn sử dụng đất hàng năm, đất trụ sở làm việc và cơ sở sản xuất phân bón. Năm 2024, Công ty đã nộp tiền thuê đất theo Thông báo của cơ quan thuế với giá trị 8.468 tr đồng.

- Khu đất khu tập thể Phân lân Văn Điển: diện tích 10.887m² tại thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội (nay là xã Thanh Trì, TP Hà Nội): Khu đất được Nhà nước giao cho Công ty để xây dựng khu nhà ở cho CBCNV. Thực hiện Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007, Bộ Tài chính ban hành Quyết định 1886/QĐ-BTC ngày 01/8/2014 trong đó thu hồi 1 phần diện tích khu đất (4.241,25m²) để giao UBND Thành phố Hà Nội quản lý, sử dụng. Tuy nhiên đến tháng 10/2021, Công ty có đề nghị cơ quan chức năng điều chỉnh theo hướng bàn giao toàn bộ diện tích về địa phương quản lý.

3.2. Việc quản lý, sử dụng, sắp xếp lại và xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP

Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu do Công ty cổ phần phân lân nung chảy Văn Điển cung cấp cho thấy đơn vị đã lập báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý đối với tất cả các cơ sở nhà, đất (Công văn số 783/CV-PLVD ngày 25/10/2021 gửi Tập đoàn Hóa chất).

Đến thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa được phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất.

4. Việc thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp

⁴ Năm 2024 mua xăng dầu theo hình thức gửi thư mời chào giá tới 4 nhà cung cấp (Công ty CP thương mại dầu khí Việt Hà; Công ty TNHH đầu tư thương mại dầu khí Hải Đăng; Công ty CP tập đoàn dầu khí và công nghiệp Phương Bắc; Công ty CP dầu khí Quốc tế PS) mà không thực hiện tiếp cận các thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối có hệ thống phân phối lớn, chiếm thị phần lớn như Petrolimex, PVOIL để được hưởng ưu đãi nhằm nâng cao hiệu quả cho Công ty.

Nhóm người đại diện của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tại Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển đã thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty theo quy định tại Quyết định số 13/QĐ-HCVN ngày 27/01/2022 ban hành quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

Người đại diện, Công ty đã thực hiện công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp theo quy định.

5. Việc thực hiện trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước trong việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp

Nhóm người đại diện của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tại Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển đã thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Quyết định số 219/QĐ-HCVN ngày 21/11/2022 về việc ban hành quy chế người đại diện vốn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đầu tư tại doanh nghiệp khác.

6. Đánh giá tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, sử dụng vốn, tiền và tài sản nhà nước

6.1. Đánh giá chung

- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2024 là 2.876.943 trđ, tăng 76.384 trđ so với năm 2023, tỷ lệ tăng 2,7%.

- Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2024 sau kiểm toán là 258.110 triệu đồng, tăng 12.067 triệu đồng so với năm 2023, tương ứng 4,9%.

- Các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán nợ:

+ Khả năng thanh toán hiện hành (Tổng tài sản/Nợ phải trả): 3 lần

+ Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn): 2 lần

6.2. Những hạn chế, tồn tại

(1) Quản lý tiền và các khoản tương đương tiền

Công ty còn tồn quỹ tiền mặt vượt định mức tồn quỹ tại một số thời điểm; chưa xây dựng tiêu chí cụ thể để đánh giá, lựa chọn ngân hàng gửi tiền để tránh rủi ro và nâng cao hiệu quả sử dụng tiền; chưa thực hiện chào lãi suất đối với các tổ chức tín dụng để gửi tiền có kỳ hạn lãi suất hiệu quả.

(2) Quản lý Đầu tư tài chính ngắn hạn

Công ty chưa thực hiện đúng quy định tại Quy định số 229/QĐ-PLVĐ-TCKT ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tổng giám đốc Công ty v/v quản lý dòng tiền và định mức tồn quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng; tiêu chí lựa chọn đánh giá ngân hàng và tổ chức tín dụng trong hoạt động gửi tiền của Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển.

(3) Việc mua sắm hàng hóa, thuê ngoài cung cấp dịch vụ

Việc đăng tải thông tin của Công ty: Theo quy định tại khoản 2.2 Điều 8 Quy chế mua sắm thường xuyên phục vụ sản xuất kinh doanh ban hành kèm theo Quyết định số 73/QĐ-HĐQT ngày 27/10/2023 của Công ty: "Hồ sơ yêu

cầu sau khi được ký duyệt được phát hành như sau: Gửi đến các nhà cung cấp theo danh sách được Tổng Giám đốc phê duyệt bằng phương thức bảo đảm, gửi trực tiếp, email hoặc fax. Danh sách này phải gồm ít nhất 03 nhà cung cấp. Hồ sơ yêu cầu được đăng tải trên website của Công ty". Theo đó, các gói mua sắm bằng hình thức chào hàng cạnh tranh đơn vị chỉ gửi thư mời chào giá đến các nhà cung cấp theo danh sách dự kiến, chỉ thực hiện đăng tải hồ sơ yêu cầu trên website công ty nên có hạn chế nhất định đối tượng tiếp cận.

(4) Công tác quản lý bán hàng

Chính sách bán hàng của Công ty chưa quy định cụ thể mức tiền đặt cọc lấy hàng.

II. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Công ty CP Phân lân Nung chảy Văn Điển

Đề nghị Công ty CP Phân lân Nung chảy Văn Điển tổ chức thực hiện các kiến nghị sau:

1.1. Điều chỉnh sổ kế toán, Báo cáo tài chính năm 2024 theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

1.2. Kiến nghị về xử lý tài chính

- Nộp vào NSNN thuế TNDN qua kiểm toán phát hiện tăng thêm số tiền 2.763.609.013 đồng.

1.3. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công

- Công ty rà soát thực hiện đúng quy chế quản lý dòng tiền đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng tiền, tài sản; chấn chỉnh tồn quỹ tiền mặt vượt quy định.

- Công ty khẩn trương thu hồi tiền tạm ứng.

- Rà soát các quy định nội bộ, chấn chỉnh việc ký và thực hiện hợp đồng trong công tác bán hàng tránh rủi ro trong thanh toán và đảm bảo nâng cao hiệu quả trong hoạt động SXKD tại Công ty.

- Nghiên cứu có giải pháp tổ chức theo dõi, kiểm tra khối lượng bụi lò phát sinh trong kỳ.

- Rà soát quy định nội bộ và thực tế mua sắm để áp dụng hình thức mua sắm phù hợp; xem xét sửa đổi điều khoản đăng tải thông tin về các gói thầu mua sắm trong quy chế mua sắm thường xuyên phục vụ sản xuất kinh doanh theo hướng tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa dịch vụ đều được thông tin rộng rãi để có nhiều đối tượng tiếp cận thông tin nhằm nâng cao hiệu quả việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại Công ty.

1.4. Kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân và xem xét xử lý theo quy định đối với nội dung: tập thể, cá nhân có liên quan theo Bản án số 03/2022/KDTM-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn tỉnh Thanh Hóa.

2. Đối với Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Chi đạo Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển: Thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đã nêu tại Thông báo kiểm toán này và báo cáo kết quả thực hiện về Tập đoàn Hóa chất Việt Nam để tổng hợp báo cáo Kiểm toán nhà nước chuyên ngành VI địa chỉ 116 Nguyễn Chánh, phường Yên Hòa, Hà Nội trước ngày 30/6/2026. Quá thời hạn nêu trên, đơn vị được kiểm toán phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm quy định về thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước theo quy định tại Điều 14 của Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước. Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: Những kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện (với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu,... để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do). Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, ghi chép chứng từ theo hướng dẫn tại Phụ lục 01-TBKQKT kèm theo.

Thông báo này gồm 07 trang, từ trang 01 đến trang 7 và các Phụ lục số 01, 02, 02a, 05, 06 -TBKQKT và 02.1/TBKQKT-SXLTS là bộ phận không tách rời của Thông báo này. /*h*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam;
- KTN chuyên ngành VI;
- Lưu: VT, ĐKT, Tổ Kiểm toán.

TL. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KT. KIỂM TOÁN TRƯỞNG KTN CHUYÊN NGÀNH VI
PHÓ KIỂM TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Đình Sơn

HƯỚNG DẪN GHI CHÉP CHỨNG TỪ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

1. Đối với kiến nghị tăng thu về thuế, phí, thu khác và các khoản chi sai,... nộp tại Kho bạc Nhà nước: Các chứng từ nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị được kiểm toán giao dịch (*giấy nộp tiền, ủy nhiệm chi, giấy nộp trả kinh phí, lệnh chuyển có,...*), ngoài việc ghi rõ nội dung kiến nghị kiểm toán, số tiền cụ thể theo quy định, còn phải ghi rõ "*Nộp NSNN thực hiện theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số /KTNN-TH ngày ... tháng... năm tại.... và theo Công văn số ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/ khu vực... gửi Kho bạc Nhà nước (Trung ương/ tỉnh hoặc thành phố)*" đồng thời đánh dấu vào ô KTNN trên giấy nộp tiền vào NSNN. Đối với trường hợp kiến nghị cơ quan thuế, hải quan xử phạt, truy thu thuế đối với các đơn vị: Quyết định xử phạt, truy thu của cơ quan quản lý thuế ghi rõ nội dung "*xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm*"; Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước ghi rõ: "*Nộp tiền xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm....*".

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Qua kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2024 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tại Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển

Đơn vị tính: Đồng

[illegible]

THUYẾT MINH KẾT QUẢ KIỂM TOÁN TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
Qua kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2024 của
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tại Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển

Đơn vị tính: Đồng

STT	Đơn vị/chỉ tiêu	Mã số thuế	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	Thuế TNDN		2.763.609.013		
	Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển	0111116899	2.763.609.013		
			2.562.923.888	Do doanh thu chi phí thay đổi (tăng lợi nhuận tăng TNDN).	
			154.088.325	Loại trừ chi phí hoạt động tuyên truyền, mở rộng thị trường không đủ chứng từ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC, được sửa đổi bổ sung tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC	
			46.596.800	Loại trừ khoản thù lao thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành theo quy định tại điểm d khoản 2.6 Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC, được sửa đổi bổ sung tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC	
	Tổng cộng		2.763.609.013		

KIỂM TOÁN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.032.052.328.537	1.034.478.289.572	2.425.961.035
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	399.246.076.091	399.246.076.091	-
1. Tiền	111	169.246.076.091	169.246.076.091	-
2. Các khoản tương đương tiền	112	230.000.000.000	230.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	165.684.860.441	165.684.860.441	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	-	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	165.684.860.441	165.684.860.441	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	12.428.842.563	14.908.474.663	2.479.632.100
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.870.285.253	1.870.285.253	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7.553.311.975	7.553.311.975	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.866.316.588	7.345.948.688	2.479.632.100
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(1.861.071.253)	(1.861.071.253)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	-	-
IV. Hàng tồn kho	140	440.916.580.657	440.916.580.657	-
1. Hàng tồn kho	141	440.916.580.657	440.916.580.657	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	-	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	13.775.968.785	13.722.297.720	(53.671.065)
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.429.631.912	13.375.960.847	(53.671.065)
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	346.336.873	346.336.873	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	-	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	39.944.204.476	40.902.423.711	958.219.235
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	-	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	-	-	-
II. Tài sản cố định	220	8.700.131.745	8.868.297.536	168.165.791

1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.366.891.100	7.535.056.891	168.165.791
- Nguyên giá	222	190.292.463.216	190.460.629.007	168.165.791
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(182.925.572.116)	(182.925.572.116)	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	1.313.401.935	1.313.401.935	-
- Nguyên giá	225	1.594.080.000	1.594.080.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	(280.678.065)	(280.678.065)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	19.838.710	19.838.710	-
- Nguyên giá	228	34.672.662.000	34.672.662.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(34.652.823.290)	(34.652.823.290)	-
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-	-
- Nguyên giá	231	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	-	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	25.039.578.740	25.332.612.740	293.034.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	25.039.578.740	25.332.612.740	293.034.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	-	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	-	-
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	254	-	-	-
5. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	255	-	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	6.204.493.991	6.701.513.435	497.019.444
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	1.684.773.038	2.181.792.482	497.019.444
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	4.519.720.953	4.519.720.953	-
3. Thiết bị, VPTT thay thế dài hạn	263	-	-	-
4. Lợi thế thương mại	268	-	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250=100+200)	270	1.071.996.533.013	1.075.380.713.283	3.384.180.270
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	550.814.975.791	544.148.145.636	(6.666.830.155)
I. Nợ ngắn hạn	310	550.122.961.366	543.456.131.211	(6.666.830.155)
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17.458.084.896	17.458.084.896	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	33.227.231.896	33.227.231.896	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.032.734.391	4.796.343.404	2.763.609.013
4. Phải trả người lao động	314	24.082.198.278	24.082.198.278	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.098.455.222	5.098.455.222	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317	-	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	452.596.020.874	443.165.581.706	(9.430.439.168)
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	230.671.476	230.671.476	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	12.751.718.757	12.751.718.757	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	2.645.845.576	2.645.845.576	-
13. Quỹ bình ổn giá	323	-	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP	324	-	-	-
II. Nợ dài hạn	330	692.014.425	692.014.425	-

1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	-	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	692.014.425	692.014.425	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	521.181.557.222	531.232.567.647	10.051.010.425
I. Vốn chủ sở hữu	410	521.181.557.222	531.232.567.647	10.051.010.425
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	376.653.480.000	376.653.480.000	-
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	376.653.480.000	376.653.480.000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	-	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	77.474.441.928	77.474.441.928	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	3.281.900.000	3.281.900.000	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	63.771.735.294	73.822.745.719	10.051.010.425
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	2.876.674.076	2.876.674.076	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	60.895.061.218	70.946.071.643	10.051.010.425
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	422	-	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-	-
TỔNG CÔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	1.071.996.533.013	1.075.380.713.283	3.384.180.270

* Nguyên nhân chênh lệch:

TÀI SẢN TĂNG		3.384.180.270 đ
1 Phải thu ngắn hạn khác tăng		2.479.632.100 đ
- Điều chỉnh khoản bồi thường do vi phạm hợp đồng của Công ty HUD4 theo Bản án sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân Thị xã Bim Sơn đơn vị chưa ghi nhận thu nhập theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Thông tư 200/2014/TT-BTC		2.479.632.100 đ
2 Chi phí trả trước ngắn hạn giảm		53.671.065 đ

- Chi phí chế tạo hệ thống xử lý nước thải ventury đủ điều kiện ghi nhận tăng tài sản cố định theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013	53.671.065 đ
3 Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng	168.165.791 đ
- Chi phí chế tạo hệ thống xử lý nước thải ventury đủ điều kiện ghi nhận tăng tài sản cố định theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013	168.165.791 đ
4 Chi phí xây dựng dở dang tăng	293.034.000 đ
* Tăng:	340.000.000 đ
- Điều chỉnh chi phí dịch vụ pháp lý theo HĐ số 0712 ngày 07/12/2023 và HĐ số 125 ngày 23/02/2024 thuộc Dự án Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và Phân bón NPK Văn Điển đơn vị hạch toán không đúng quy định tại khoản 1 Điều 46 Thông tư 200/2014/TT-BTC	340.000.000 đ
* Giảm:	46.966.000 đ
- Điều chỉnh khoản Công ty HUD4 bồi thường chồng lấn đất vào Dự án Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và Phân bón NPK Văn Điển theo Bản án sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân Thị xã Bim Sơn	46.966.000 đ
5 Chi phí trả trước dài hạn tăng	497.019.444 đ
- Phân bổ công cụ dụng cụ xuất sử dụng đảm bảo nguyên tắc nhất quán theo quy định tại đoạn 07 Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và khoản 1 Điều 47 Thông tư 200/2014/TT-BTC	497.019.444 đ
NGUỒN VỐN TĂNG	3.384.180.270 đ
1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng	2.763.609.013 đ
- Do doanh thu chi phí thay đổi (tăng lãi, tăng thuế TNDN).	2.763.609.013 đ
2 Phải trả ngắn hạn khác giảm	9.430.439.168 đ
- Điều chỉnh khoản bồi thường do vi phạm hợp đồng của Công ty HUD4 theo theo Bản án sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân Thị xã Bim Sơn đơn vị chưa ghi nhận thu nhập theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Thông tư 200/2014/TT-BTC	9.430.439.168 đ
3 LNST chưa phân phối kỳ này tăng	10.051.010.425 đ
- Do kết quả kiểm toán thay đổi.	10.051.010.425 đ

KIỂM TOÁN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A		1	2	3=2-1
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	O1	1.220.293.850.417	1.220.293.850.417	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	O2	20.989.500	20.989.500	-

3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10=01-03)	10	1.220.272.860.917	1.220.272.860.917	-
4. Giá vốn hàng bán	11	940.181.789.054	940.067.294.328	(114.494.726)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (20=10-11)	20	280.091.071.863	280.205.566.589	114.494.726
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.756.917.679	7.756.917.679	-
7. Chi phí tài chính	22	4.105.781.745	4.105.781.745	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	89.529.500	89.529.500	-
8. Chi phí bán hàng	24	174.910.377.556	174.910.377.556	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	32.757.527.541	31.920.508.097	(837.019.444)
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD (30=20+(21-22)-(24+25))	30	76.074.302.700	77.025.816.870	951.514.170
11. Thu nhập khác	31	44.525.098	11.907.630.366	11.863.105.268
12. Chi phí khác	32	1.275	1.275	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	44.523.823	11.907.629.091	11.863.105.268
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	76.118.826.523	88.933.445.961	12.814.619.438
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	11.371.474.410	14.135.083.423	2.763.609.013
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	3.852.290.895	3.852.290.895	-
17. Lợi nhuận sau thuế TN doanh nghiệp	60	60.895.061.218	70.946.071.643	10.051.010.425
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	-	-	-

* Nguyên nhân chênh lệch:

1	Giá vốn hàng bán giảm	114.494.726 đ
	- Chi phí chế tạo hệ thống xử lý nước thải ventury đủ điều kiện ghi nhận tăng tài sản cố định theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013	114.494.726 đ
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm	837.019.444 đ
	- Phân bổ công cụ dụng cụ xuất sử dụng đảm bảo nguyên tắc nhất quán theo quy định tại đoạn 07 Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và khoản 1 Điều 47 Thông tư 200/2014/TT-BTC	497.019.444 đ
	- Điều chỉnh chi phí dịch vụ pháp lý theo HĐ số 0712 ngày 07/12/2023 và HĐ số 125 ngày 23/02/2024 thuộc Dự án Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và Phân bón NPK Văn Điển đơn vị hạch toán không đúng quy định tại khoản 1 Điều 46 Thông tư 200/2014/TT-BTC	340.000.000 đ
3	Thu nhập khác tăng	11.863.105.268 đ

- Điều chỉnh khoản bồi thường do vi phạm hợp đồng của Công ty HUD4 theo theo Bản án sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân Thị xã Bim Sơn đơn vị chưa ghi nhận thu nhập theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Thông tư 200/2014/TT-BTC

11.863.105.268 đ

4 Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng

2.763.609.013 đ

- Do doanh thu, chi phí thay đổi.

2.763.609.013 đ

5 Tổng lợi nhuận sau thuế tăng

10.051.010.425 đ

- Do kết quả kiểm toán thay đổi

10.051.010.425 đ

KIỂM TOÁN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NSNN ĐẾN 31/12/2024

1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	-	-	-
1. Thuế GTGT	-	-	-
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-
3. Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
5. Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-
6. Thuế tài nguyên	-	-	-
7. Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-
8. Các loại thuế khác	-	-	-
9. Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
II. Các khoản phải thu khác	-	-	-
1. Các khoản phụ thu	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	-	-	-
3. Các khoản khác	-	-	-
Tổng cộng = I+II	-	-	-
III. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-

2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	2.032.734.391	4.796.343.404	2.763.609.013
1. Thuế GTGT	16.618.041	16.618.041	-
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-
3. Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-

4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.763.568.367	4.527.177.380	2.763.609.013
5. Thuế thu nhập cá nhân	248.467.223	248.467.223	-
6. Thuế tài nguyên	4.080.760	4.080.760	-
7. Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-
8. Các loại thuế khác	-	-	-
9. Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
II. Các khoản phải nộp khác	-	-	-
1. Các khoản phụ thu	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	-	-	-
3. Các khoản khác	-	-	-
Tổng cộng = I+II	2.032.734.391	4.796.343.404	2.763.609.013
III. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-

* Nguyên nhân chênh lệch:

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC TĂNG

2.763.609.013 đ

1 Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng

2.763.609.013 đ

- Do doanh thu chi phí thay đổi (tăng lợi nhuận tăng TNDN).

2.562.923.888 đ

- Loại trừ chi phí hoạt động tuyên truyền, mở rộng thị trường không đủ chứng từ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC, được sửa đổi bổ sung tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC

154.088.325 đ

- Loại trừ khoản thù lao thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành theo quy định tại điểm d khoản 2.6 Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC, được sửa đổi bổ sung tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC

46.596.800 đ

1. Phạm vi kiểm toán

Thời kỳ được kiểm toán: Năm 2024 và các thời kỳ trước sau có liên quan của Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển.

2. Giới hạn kiểm toán

- Không kiểm toán báo cáo lưu chuyển tiền tệ; không chứng kiến việc kiểm kê tiền mặt, tài sản, vật tư, hàng hóa tồn kho, sản phẩm dở dang.

- Không kiểm toán lại các nội dung đã được các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán thực hiện để tránh chồng chéo, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp⁵.

- Đối với kiểm toán quản lý, sử dụng đất đai: chỉ kiểm toán hồ sơ pháp lý của đất; về nghĩa vụ với NSNN liên quan đến đất đai: chỉ thực hiện kiểm toán trên cơ sở thông báo của cơ quan thuế.

- Đối với Chuyên đề việc quản lý, sử dụng, sắp xếp lại và xử lý nhà, đất theo việc sắp xếp và xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP: Chỉ thực hiện kiểm toán các báo cáo kê khai, phương án đề xuất sắp xếp lại, xử lý nhà đất được báo cáo, kê khai đề xuất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP. Không thực hiện kiểm toán các báo cáo kê khai và đề xuất phương án việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất được các đơn vị trực tiếp sử dụng lập báo cáo và đề xuất phương án trước thời điểm Nghị định số 167/2017/NĐ-CP có hiệu lực (01/01/2018) và các phương án được duyệt tương ứng.

- Không kiểm tra, đối chiếu, xác nhận với bên thứ 3 có liên quan; Không kiểm tra xác minh tính trung thực, hợp lý của các báo giá, bản chào lãi suất; không xác minh, xác nhận nguồn gốc, quy cách, giá cả, chất lượng, hóa đơn của hàng hóa, vật tư, thiết bị, dịch vụ đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động đầu tư xây dựng⁶.

- Không kiểm toán các dự án dự án đầu tư xây dựng cơ bản hình thành TSCĐ mới và nâng cấp TSCĐ.

Tổ KTNN chỉ thực hiện các thủ tục đối chiếu, so sánh, phân tích hồ sơ, tài liệu do đơn vị được kiểm toán cung cấp. Đơn vị được kiểm toán chịu trách nhiệm về tính pháp lý, xác thực của hồ sơ, tài liệu số liệu cung cấp cho Kiểm toán nhà nước.

⁵ Kết luận thanh tra số 66/KL-TTr ngày 19/4/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

⁶ Giới hạn kiểm toán này chủ yếu do: KTV không chứng kiến việc đàm phán ký kết hợp đồng, thực tế quá trình nhập kho, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán, thi công sửa chữa, cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại thời điểm phát sinh và giới hạn về nhân lực, thời gian.

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT TẠI CÔNG TY CP PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỂN
GIAI ĐOẠN 2018-2024**

STT	Đơn vị	Tổng số cơ sở cơ quan, đơn vị doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng	Số cơ sở nhà đất thuộc phạm vi, đối tượng sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại NB 167 và NB 67	Số cơ sở nhà, đất đã kê khai, báo cáo	Số cơ sở nhà, đất đã kê khai hiện trạng	Số cơ sở nhà, đất đã lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất	Số cơ sở nhà, đất đã gửi lấy ý kiến UBND cấp tỉnh	Số cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển	2	2	2	1	0	0	0	01 cơ sở nhà, đất tại Hà Nội, Bộ Tài chính đã phê duyệt PA theo QĐ 09; chưa có QĐ giữ lại sử dụng.
	Tổng cộng	2	2	2	1	0	0	0	